

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 44-16 (LIXIL 01-2020) ngày 28/12/2020 của Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam, địa chỉ: đường D1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Số biên nhận 000.00.14.H19-210125-0004 ngày 25/01/2021 của Trung tâm hành chính công tỉnh, ngày hẹn trả: 01/02/2021) cho sản phẩm:

- **Tên sản phẩm:** THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

- **Kiểu, loại:**

+ Hợp kim nhôm 6063, quá trình tôi và ram : T5, T6, chiều dày sản phẩm đến 12mm;

+ Hợp kim nhôm 6061, quá trình tôi và ram : T6, chiều dày sản phẩm đến 25mm;

+ Hợp kim nhôm 6005C, quá trình tôi và ram : T5, chiều dày sản phẩm đến 6mm;

- **Nhãn hiệu:** TOSTEM.

- **Danh mục sản phẩm:** tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 10 kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16(LIXIL 01-2020)

- **Nhà sản xuất:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM.

+ Địa chỉ trụ sở: đường D1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

+ Địa chỉ nơi sản xuất: đường D1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2019/BXD ban hành theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019. Có giá trị từ ngày ban hành Thông báo tiếp nhận hợp quy đến ngày 16/12/2023.

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ) theo Giấy Chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2020) ngày 17/12/2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 cấp.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.



Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./- 

Nơi nhận: 

- Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam;
- TTHCC tỉnh;
- Ban QLCKCN Đồng Nai (để biết);
- BGĐ SXD;
- Văn phòng sở (đăng lên trang TTĐT);
- Lưu: VT, QLCLXD.Nam



BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 44-16 (LIXIL 01-2020)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường D1, KCN Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3681 115

E-mail: bao1.tran@lixil.com

CÔNG BỐ:

- Tên gọi: Thanh Định Hình (Profile) Nhôm và Hợp Kim Nhôm
- Kiểu loại: Hợp kim nhôm 6063, quá trình tôi và ram: T5, T6, chiều dày sản phẩm đến 12 mm.
Hợp kim nhôm 6061, quá trình tôi và ram: T6, chiều dày sản phẩm đến 25 mm.
Hợp kim nhôm 6005C, quá trình tôi và ram: T5, chiều dày sản phẩm đến 6 mm.
- Nhãn hiệu: TOSTEM
- Danh mục sản phẩm: nêu chi tiết trong phụ lục 1 đến phụ lục 10 kèm theo giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL 01-2020)
- Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 16:2019/BXD.
- Căn cứ giấy chứng nhận hợp quy: Số 44-16 (LIXIL 01-2020) ngày 17 tháng 12 năm 2020 do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3 cấp có giá trị đến ngày 16 tháng 12 năm 2023.
- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thứ 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ).
- Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của Thanh Định Hình (Profile) Nhôm và Hợp Kim Nhôm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Số : 44-16
(LIXIL 01-2020)

Chứng nhận sản phẩm :

THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

Nhãn hiệu : 

Loại : - Hợp kim nhôm 6063, quá trình tôi và ram: T5; T6; chiều dày sản phẩm đến 12 mm
- Hợp kim nhôm 6061, quá trình tôi và ram: T6; chiều dày sản phẩm đến 25 mm
- Hợp kim nhôm 6005C, quá trình tôi và ram: T5; chiều dày sản phẩm đến 6 mm
(Chi tiết sản phẩm được nêu trong phụ lục 1 đến phụ lục 10 kèm theo giấy chứng nhận)

Được sản xuất bởi :

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU LIXIL VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường D1, KCN Long Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia :

QCVN 16:2019/BXD

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận :

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày 17/12/2020 đến ngày 16/12/2023



Ngày cấp chứng nhận : 17/12/2020

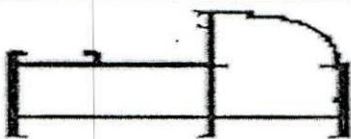
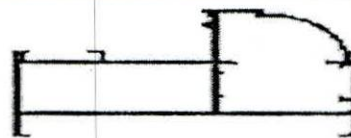
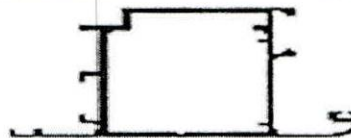
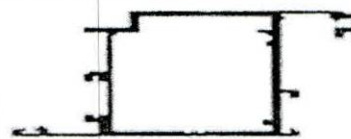
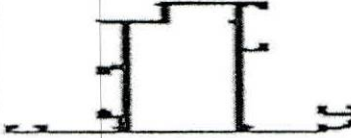
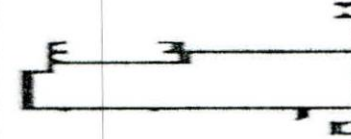
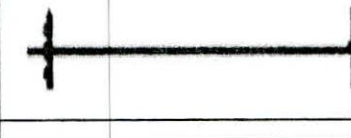
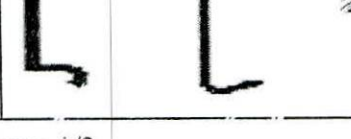


GIÁM ĐỐC

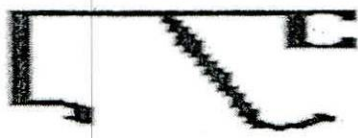
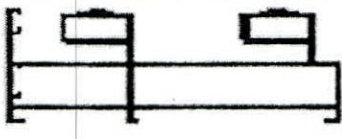
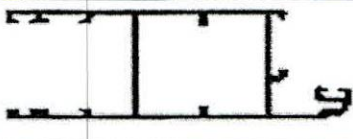
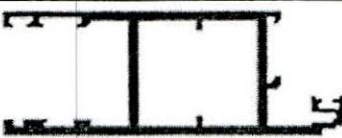
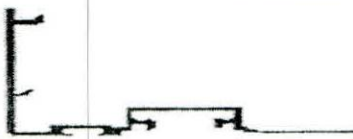
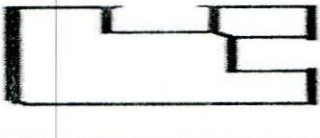
Nguyễn Thái Hùng

Phụ lục 1-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

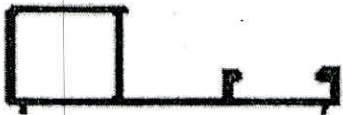
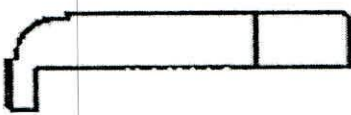
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim-quá trình tôi và ram
1	TC-8301	TO-6X551		6063-T5
2	TC-8301A	TO-6X552		6063-T5
3	TC-8303	TO-6X553		6063-T5
4	TC-8304	TO-6X554		6063-T5
5	TC-8305	TO-6X555		6063-T5
6	TC-8306	TO-6X556		6063-T5
7	TC-8307	TO-6X557		6063-T5
8	TC-8308	TO-6X558		6063-T5
9	TC-8309	TO-6X561		6063-T5
10	TC-8311	TO-6X562		6063-T5
11	TC-8314	TO-6X563		6063-T5

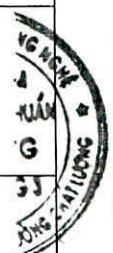
Phụ lục 1-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim-quá trình tôi và ram
12	TC-8315	TO-6X566		6063-T5
13	TC-C8381	TO-6X567		6063-T5
14	TC-C8382A	TO-6X568		6063-T5
15	TC-C8382	TO-6X569		6063-T5
16	TC-C8383	TO-6X570		6063-T5
17	TC-C8384	TO-6X571		6063-T5
18	TC-C8387	TO-6X617		6063-T5
19	TC-C8388	TO-6Y103		6063-T5
20	TC-LX801	TO-6Y093		6063-T5
21	TC-LX802	TO-6Y094		6063-T5
22	TC-LX803	TO-6Y095		6063-T5

Phụ lục 1-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

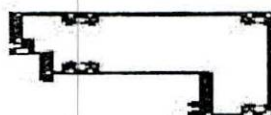
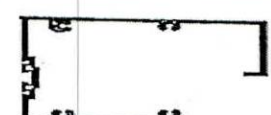
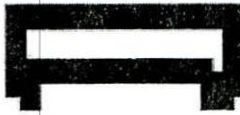
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim-quá trình tôi và ram
23	TC-LX804	TO-6Y096		6063-T5
24	TC-LX805	TO-6Y097		6063-T5
25	TC-8316	TO-6Y109		6063-T5
26	TC-8317	TO-6Y110A		6063-T5
27	TC-LX806	TO-6Z046		6063-T5
28	TC-LX807	TO-6Z047		6063-T5
29	TC-LX806A	TO-7A008		6063-T5



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KHOA QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ

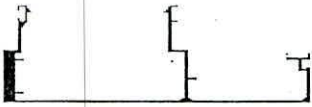
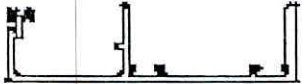
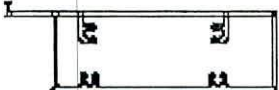
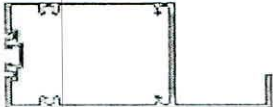
Phụ lục 2-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Bản mẫu kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	CW125HZ-10	TO-6R069A		6063-T5
2	CW125HZ-06A	TO-6R197		6063-T5
3	CW125HZ-08	TO-6R198		6063-T5
4	CW125AD-01A	TO-6R199		6063-T5
5	CW125AD-05A	TO-6R200		6063-T5
6	CW125IN-01	TO-6R201		6063-T5
7	CW125IN-02	TO-6R202		6063-T5
8	CW125OT-01	TO-6R203		6063-T5
9	150H28	TO-6R204		6063-T5
10	CW125BK-02	TO-6R205		6061-T6
11	CW125BK-01	TO-6R207		6061-T6
12	BOX8044	TO-6R210		6063-T5

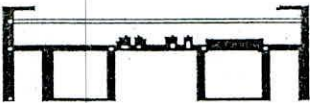
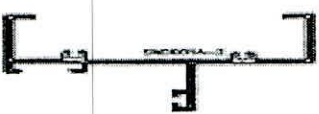
**Phụ lục 2-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
13	CW125VE-01B	TO-6S379		6063-T5
14	CW125VE-02B	TO-6S380		6063-T5
15	CW125AD-03	TO-6S381		6063-T5
16	CW125AD-02	TO-6S400		6063-T5
17	CW125HZ-09A	TO-6S382		6063-T5
18	CW125HZ-07A	TO-6S402		6063-T5
19	CW125HZ-07B	TO-6S399		6063-T5
20	CW125HZ-01A	TO-6S397		6063-T5
21	CW125HZ-03A	TO-6S398		6061-T6
22	CW125BK-03	TO-6S411		6061-T6
23	CW125BK-04	TO-6S412		6061-T6
24	HTM95003A	TO-6R214		6063-T5

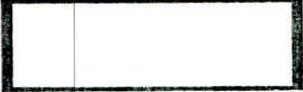
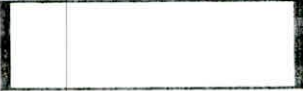
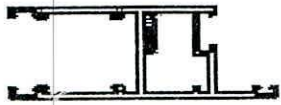
**Phụ lục 2-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
25	HTM95001A	TO-6R212		6063-T5
26	HTM95002A	TO-6R213		6063-T5
27	SWD001A-1	TO-6R221		6063-T5
28	SWD001A-2	TO-6R222		6063-T5
29	HTM95011	TO-6R215		6063-T5
30	HTM95011A	TO-6S395		6063-T5
31	HTM95013	TO-6S396		6063-T5
32	HTM95012	TO-6R216		6063-T5
33	HTM95004F	TO-6S404A		6063-T5
34	HTM95008	TO-6S405		6063-T5
35	GTC9530	TO-6S408		6063-T5
36	GR55M06	TO-6S409		6063-T5

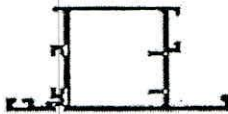
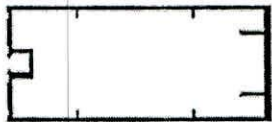
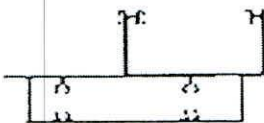
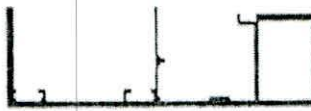
**Phụ lục 2-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL.01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
37	P5006	TO-6S410		6063-T5
38	HM-X5001	TO-6S389		6063-T5
39	HM-X5003	TO-6S392		6063-T5
40	HM-X5005	TO-6S393		6063-T5
41	SNS-LV-01	TO-6R225		6063-T5
42	SNS-LV-02	TO-6R226		6063-T5
43	60X40X2mmt	TO-6S387		6063-T5
44	60X60X2mmt	TO-6S388		6063-T5
45	HM-X5007-1	TO-6S390		6063-T5
46	HM-X5007	TO-6S391		6063-T5
47	HM-X5024	TO-6S394		6063-T5
48	HTM95004	TO-6R217		6063-T5

Phụ lục 2-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
49	HTM95010	TO-6R218		6063-T5
50	SWD003A	TO-6R223		6063-T5
51	SWD004B	TO-6R224		6063-T5
52	HM200-01	TO-6S436		6063-T5
53	CW125HZ-02C	TO-6S401		6063-T5
54	CW12023	TO-6S460		6063-T5
55	CW125VE-07	TO-6S461		6063-T5
56	CW12022	TO-6S459		6063-T5



Phụ lục 3. Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được

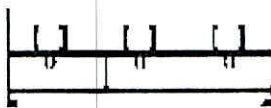
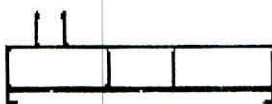
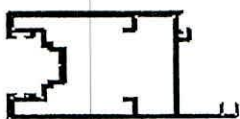
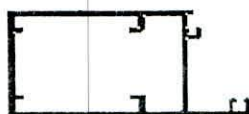


áp dụng chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	BM-SD1562A	TO-6M472A		6063-T5
2	BM-WD8557	TO-6R042		6063-T5
3	BM-MTP-F6	TO-6P945A		6063-T5
4	BM-MTP-C1	TO-6P132A		6063-T5
5	BM-MTP-C2	TO-6P133A		6063-T5
6	BM-MTP-C5	TO-6P949A		6063-T5
7	BM-MTP-C6	TO-6P960A		6063-T5
8	BM-MTP-C7	TO-6P961A		6063-T5
9	BM-MTP-K2	TO-6R045		6063-T5
10	BM-MTP-K3	TO-6R046		6063-T5
11	BM-MTP-K4	TO-6R064		6063-T5

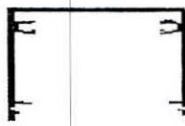
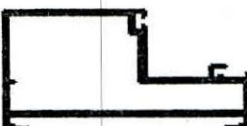
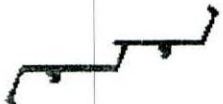
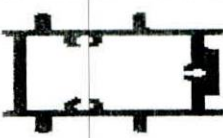
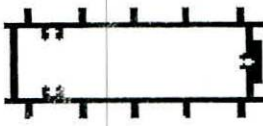
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
12	BM-MTP-K5	TO-6R065		6063-T5
13	BM-MTP-K6	TO-6R066		6063-T5
14	BM-SD4801	TO-6R126		6063-T5
15	BM-SD4802	TO-6R127		6063-T5
16	BM-SD4803	TO-6R128		6063-T5
17	BM-SD4804	TO-6R129		6063-T5
18	BM-SD4805	TO-6R130		6063-T5
19	BM-SD4806	TO-6R131		6063-T5
20	BM-SD4807	TO-6R132A		6063-T5
21	BM-SD4808	TO-6R133		6063-T5
22	BM-SD4809	TO-6R134		6063-T5

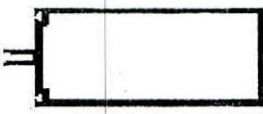
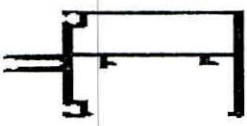
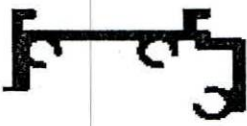
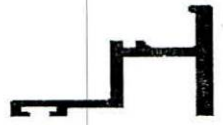
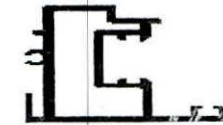
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
23	BM-SD4810	TO-6R135		6063-T5
24	BM-SD4811	TO-6R136		6063-T5
25	BM-SD4812	TO-6R137		6063-T5
26	BM-SD4813	TO-6R138		6063-T5
27	WD8451A	TO-6R183		6063-T5
28	BM-LV7685	TO-6R184		6063-T5
29	BM-LV2280	TO-6R185		6063-T5
30	BM-CW6501	TO-6R186		6063-T5
31	BM-CW6502	TO-6R187		6063-T5
32	BM-CW6503	TO-6R188		6063-T5
33	BM-CW6504	TO-6R189		6063-T5

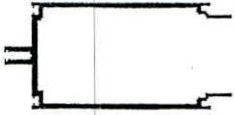
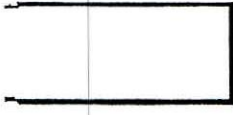
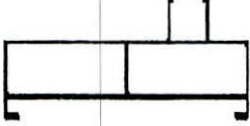
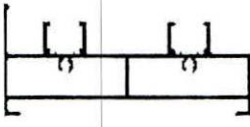
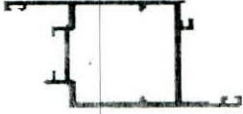
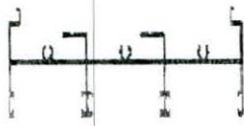
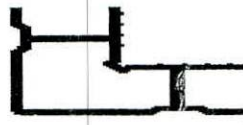
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
34	BM-CW6505	TO-6R190		6063-T5
35	BM-CW6509	TO-6R191		6063-T5
36	BM-CW6510	TO-6R192		6063-T5
37	BM-CW6512	TO-6R193		6063-T5
38	BM-CW6513	TO-6R194		6063-T5
39	BM-CW6514	TO-6R195		6063-T5
40	BMD9000	TO-6R228		6063-T5
41	BMD9001	TO-6R229A		6063-T5
42	BMD9002	TO-6R230		6063-T5
43	BMD9003	TO-6R231A		6063-T5
44	BMD9004	TO-6R232A		6063-T5

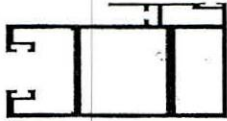
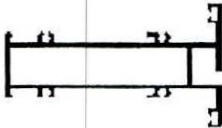
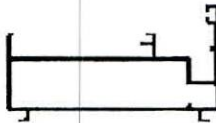
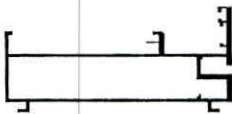
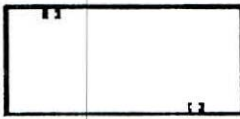
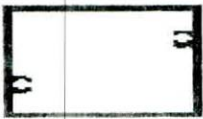
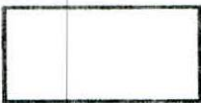
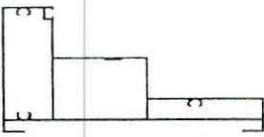
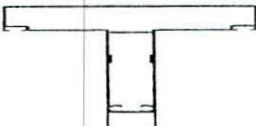
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
45	BM-CW6521	TO-6S372		6063-T5
46	BM-CW6522	TO-6S373		6063-T5
47	BM-SD4814	TO-6S486		6063-T5
48	BM-SD4815	TO-6S487		6063-T5
49	BM-SD4816	TO-6S488		6063-T5
50	BM-SD4817	TO-6S489		6063-T5
51	BM-D9005	TO-6S509		6063-T5
52	BM-SD1531B	TO-6R143		6063-T5
53	BM-SD1564A	TO-6R144		6063-T5
54	BM-SD1531C	TO-6R145		6063-T5
55	BM-SD1564K	TO-6R146		6063-T5

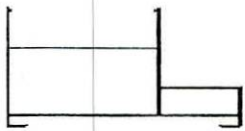
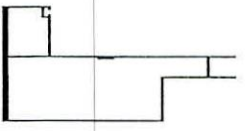
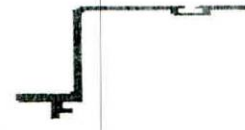
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
56	BM-SD1563A	TO-6R147		6063-T5
57	BM-WD8552A	TO-6R148		6063-T5
58	BM-WD8551B	TO-6R149		6063-T5
59	BM-WD8551C	TO-6R150		6063-T5
60	BM-H50100	TO-6R154A		6063-T5
61	BM-H25100	TO-6R155A		6063-T5
62	BM-H5050	TO-6R156		6063-T5
63	BM-H2550A	TO-6R157		6063-T5
64	BM-H100150	TO-6R158A		6063-T5
65	BM-7501	TO-6S415		6063-T5
66	BM-7502	TO-6S416		6063-T5

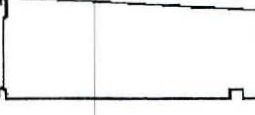
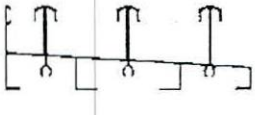
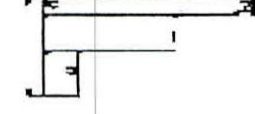
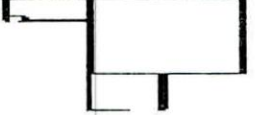
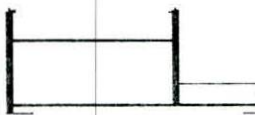
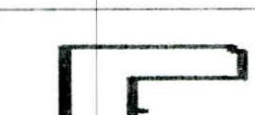
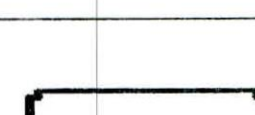
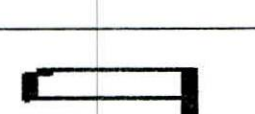
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
67	BM-7503	TO-6S417		6063-T5
68	BM-7504	TO-6S418		6063-T5
69	BM-7505	TO-6S419A		6063-T5
70	BM-7506	TO-6S420A		6063-T5
71	BM-7507	TO-6S421A		6063-T5
72	BM-7508	TO-6S422		6063-T5
73	BM-7509	TO-6S423		6063-T5
74	BM-7510	TO-6S424		6063-T5
75	BM-7511	TO-6S425		6063-T5
76	BM-7512	TO-6S426		6063-T5
77	BM-7513	TO-6S427		6063-T5

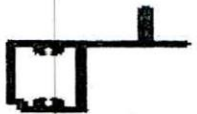
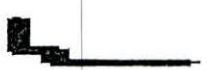
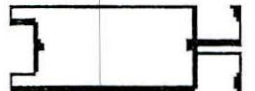
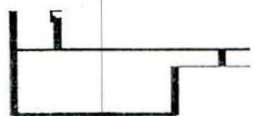
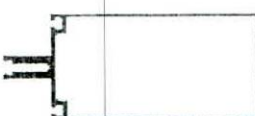
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
78	BM-L5001	TO-6S428		6063-T5
79	BM-L5002	TO-6S429		6063-T5
80	BM-1501N	TO-6S430		6063-T5
81	BM-8601	TO-6S439		6063-T5
82	BM-8602	TO-6S440		6063-T5
83	BM-8603	TO-6S441		6063-T5
84	BM-8606	TO-6S442		6063-T5
85	BM-8607	TO-6S443		6063-T5
86	BM-S2001	TO-6S444		6063-T5
87	BM-S2002	TO-6S445		6063-T5
88	BM-S2003	TO-6S446		6063-T5

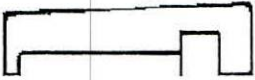
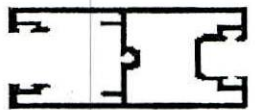
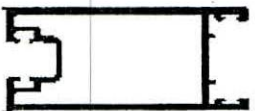
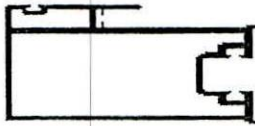
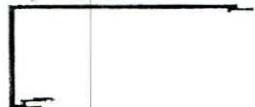
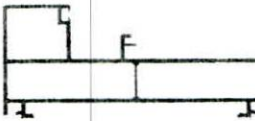
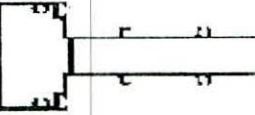
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
89	BM-S2004	TO-6S447		6063-T5
90	BM-S2005	TO-6S448		6063-T5
91	BM-S2006	TO-6S449		6063-T5
92	BM-F150	TO-6S450		6063-T5
93	BM-F151	TO-6S451		6063-T5
94	BM-8604	TO-6S452		6063-T5
95	BM-8605	TO-6S453		6063-T5
96	BM-SS95	TO-6S454		6063-T5
97	BM-5001	TO-6S455		6063-T5
98	BM-5003	TO-6S456		6063-T5
99	BM-5004	TO-6S457		6063-T5

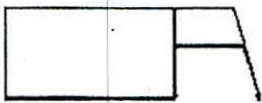
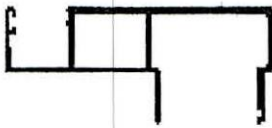
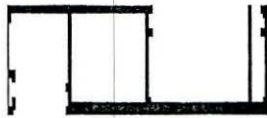
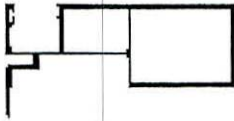
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
100	BM-BL140	TO-6S458		6063-T5
101	BM-SD8003	TO-6S465		6063-T5
102	BM-SD8004	TO-6S466		6063-T5
103	BM-SD8005	TO-6S467		6063-T5
104	BM-CW6016A	TO-6S485		6063-T5
105	BM-LG04008002	TO-6S431		6063-T5
106	BM-H025100020	TO-6S432		6063-T5
107	BM-H050200020	TO-6S433		6063-T5
108	BM-SD1502C	TO-6S462		6063-T5
109	BM-SD1527	TO-6S463		6063-T5
110	BM-8553A	TO-6S464		6063-T5

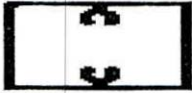
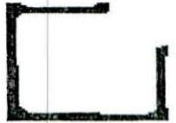
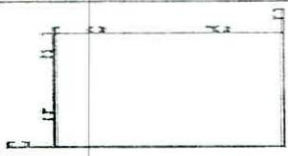
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
111	BM-LX50200	TO-6S484		6063-T5
112	BM-CW7001	TO-6S470		6063-T5
113	BM-CW7002	TO-6S471		6063-T5
114	BM-CW7003	TO-6S472A		6063-T5
115	BM-CW7004	TO-6S473		6063-T5
116	BM-CW7005	TO-6S474		6063-T5
117	BM-CW7006	TO-6S475		6063-T5
118	BM-CW7007	TO-6S476		6063-T5
119	BM-CW7008	TO-6S477		6063-T5
120	BM-CW7009	TO-6S479		6063-T5
121	BM-CW7010	TO-6S478		6063-T5

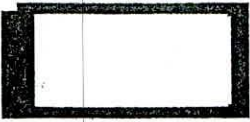
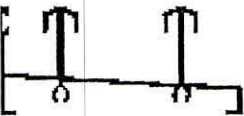
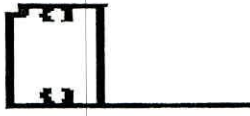
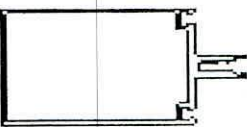
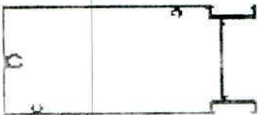
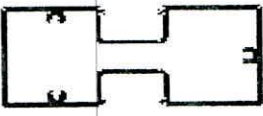
Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
122	BM-CW7011	TO-6S480		6061-T6
123	BM-CW4015	TO-6S481		6063-T5
124	ST-01	TO-6D791A		6005C-T5
125	ST-02	TO-6D794A		6005C-T5
126	RP-01	TO-6D803A		6005C-T5
127	SC-03	TO-6C402A		6005C-T5
128	BM-HS-C001	TO-6S534		6063-T5
129	BM-HS-22N	TO-6S414		6063-T5
130	BM-WD8558	TO-6X616		6063-T5
131	BM-V025025040	TO-6Y063		6063-T5
132	BM-7514	TO-6Y087		6063-T5

Phụ lục 3-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
133	BM-7515	TO-6Y088A		6063-T5
134	BM-SD102N	TO-6Y089		6063-T5
135	BM-S2007	TO-6Y090		6063-T5
136	BM-5005	TO-6Y091		6063-T5
137	BM-5001A	TO-6Y098		6063-T5
138	BM-BL110	TO-6Y099		6063-T5
139	BM-H75150	TO-6Y148A		6063-T5
140	BM-LV01	TO-6Y181		6063-T5
141	BM-LV02	TO-6Y182		6063-T5
142	BM-H1045	TO-6Z045		6063-T5

Phụ lục 4-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hộp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD



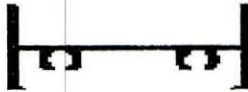
Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hộp kim - quá trình tô và ram
1	ALWS6502G-24	TO-6N580		6063-T5
2	ALWS1012G	TO-6S530		6063-T5
3	ALWS1013G	TO-6S531		6063-T5
4	ALWS1014G	TO-6S532		6063-T5
5	ALWS6525G	TO-6S533		6063-T5
6	ALWS6522G	TO-6S571		6063-T5
7	ALWS6526G	TO-6X612		6063-T5
8	ALWS6528G	TO-6X614		6063-T5
9	ALWS6529G	TO-6X615		6063-T5
10	ALWS6530G	TO-6Y064		6063-T5
11	ALWS6531G	TO-6Y065		6063-T5



Phụ lục 4-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
23	ALWS1016G	TO-6Y082		6063-T5
24	ALWS6503G-R1	TO-7A005		6063-T5
25	ALWS6532G	TO-7A006		6063-T5
26	ALWS6533G	TO-7A007		6063-T5
27	ALWS-RH4040G	TO-7A024		6063-T5



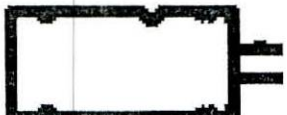
22-C.

PHÒNG
CHỨC
THÀNH T

VH-T.Đ

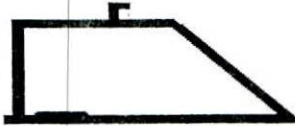
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD



STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	N1	TO-6P985		6063-T5
2	N2	TO-6P986		6063-T5
3	N3	TO-6P988		6063-T5
4	N4	TO-6P991		6063-T5
5	N5	TO-6P994		6063-T5
6	N8	TO-6P999		6063-T5
7	N7	TO-6P998		6063-T5
8	N16	TO-6R016		6063-T5
9	N20	TO-6R021		6061-T6
10	N6	TO-6P997		6063-T5

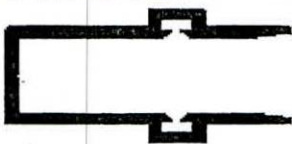
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
11	N19	TO-6R020		6061-T6
12	N25	TO-6R027		6063-T5
13	N10	TO-6R003		6061-T6
14	N2A	TO-6P987		6063-T5
15	N21	TO-6R022		6061-T6
16	N12	TO-6R006		6063-T5
17	N12A	TO-6R007		6063-T5
18	N12B	TO-6R008		6063-T5
19	N12D	TO-6R010		6063-T5
20	N12E	TO-6R011		6063-T5

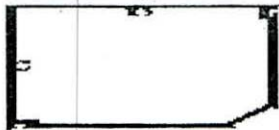
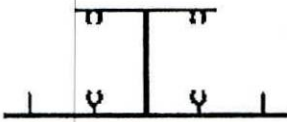
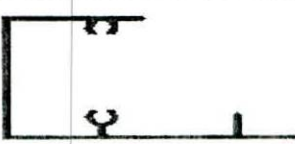
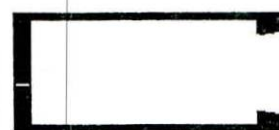
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
21	N12C	TO-6R009		6063-T5
22	N13	TO-6R012		6063-T5
23	N17	TO-6R017		6061-T6
24	N17A	TO-6R018		6061-T6
25	N23	TO-6R025		6063-T5
26	N24	TO-6R026		6063-T5
27	N14	TO-6R013		6061-T6
28	N11	TO-6R005		6063-T5
29	N51.1	TO-6R050		6063-T5
30	N8A	TO-6R000		6063-T5

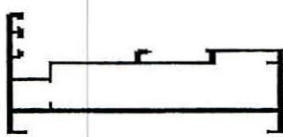
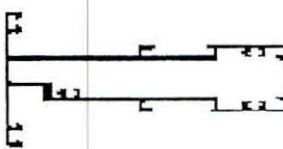
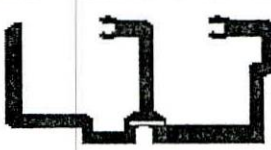
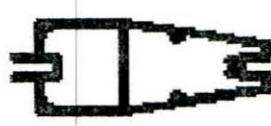
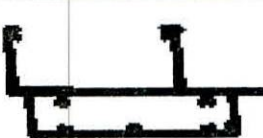
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
31	N28	TO-6R019		6063-T5
32	N30	TO-6R024		6063-T5
33	N32	TO-6R031		6063-T5
34	N37	TO-6R043		6063-T5
35	N29	TO-6R023		6063-T5
36	N31	TO-6R030		6063-T5
37	N32A	TO-6R032		6063-T5
38	N33	TO-6R033		6063-T5
39	N34	TO-6R034		6063-T5
40	N35	TO-6R035		6063-T5

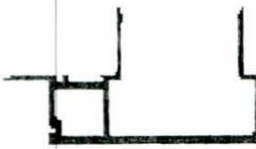
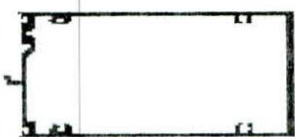
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
41	N36	TO-6R036		6063-T5
42	NW-01	TO-6R139		6063-T5
43	NW-02	TO-6R140		6063-T5
44	NW-03	TO-6R141		6063-T5
45	NW-04	TO-6R142		6063-T5
46	N9	TO-6R001		6063-T5
47	N3A	TO-6R159		6063-T5
48	N3B	TO-6R160		6063-T5
49	N4A	TO-6R161		6063-T5
50	N4B	TO-6R162		6063-T5

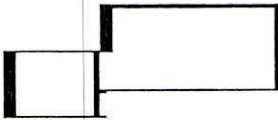
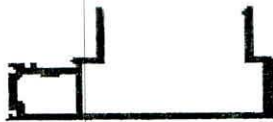
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
51	N5A	TO-6R163		6063-T5
52	N5B	TO-6R164		6063-T5
53	N14A	TO-6R165		6061-T6
54	N9A	TO-6S468A		6063-T5
55	N9B	TO-6S469		6063-T5
56	NQ1	TO-6S539		6063-T5
57	NQ2	TO-6S540		6063-T5
58	NQ5	TO-6S537		6063-T5
59	NQ7	TO-6S542		6063-T5
60	NQ10	TO-6S541		6063-T5

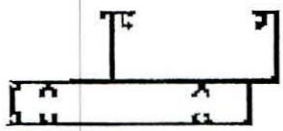
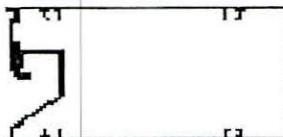
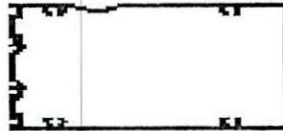
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
61	NQ14	TO-6S536		6063-T5
62	NQ15	TO-6S535		6061-T6
63	NQ18	TO-6S545		6063-T5
64	NQ21	TO-6S538		6063-T5
65	NQ22	TO-6S544		6063-T5
66	NQ23	TO-6S543		6063-T5
67	MA01	TO-6S550		6061-T6
68	N52	TO-6Z044		6063-T5
69	CMC1	TO-6Z068		6063-T5
70	CMC2	TO-6Z069		6063-T5

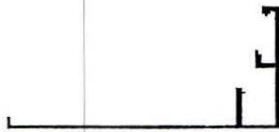
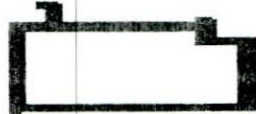
Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
71	CMC3	TO-6Z070		6063-T5
72	CMC4	TO-6Z071		6063-T5
73	CMC5	TO-6Z072		6061-T6
74	CMC6	TO-6Z073		6063-T5
75	CMC7	TO-6Z074A		6063-T5
76	CMC8	TO-6Z075		6063-T5
77	CMC9	TO-6Z076		6063-T5
78	CMC10	TO-6Z077		6063-T5
79	CMC11	TO-6Z078		6063-T5
80	CMC12	TO-6Z079		6063-T5

Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
81	CMC13	TO-6Z080		6063-T5
82	CMC14	TO-6Z081		6063-T5
83	CMC15	TO-6Z082		6063-T5
84	CMC16	TO-6Z083		6063-T5
85	CMC17	TO-6Z084		6063-T5
86	CMC18	TO-6Z085		6063-T5
87	CMC19	TO-6Z086		6063-T5
88	CMC20	TO-6Z087		6063-T5
89	CMC21	TO-6Z088		6063-T5
90	CMC22	TO-7A004		6061-T6

Phụ lục 5-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

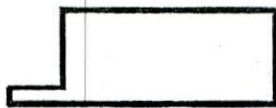
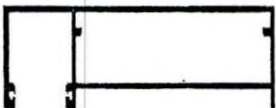
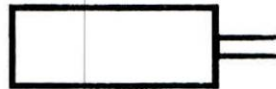
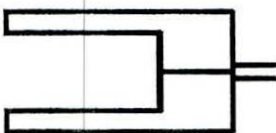
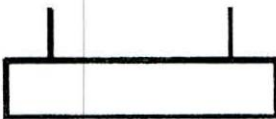
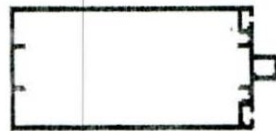
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
91	N38A	TO-6Z119		6063-T5
92	MA02	TO-7A026		6063-T5
93	MA03	TO-7A027		6063-T5



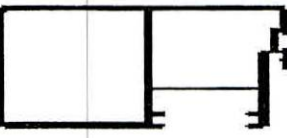
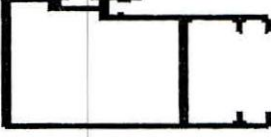
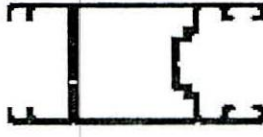
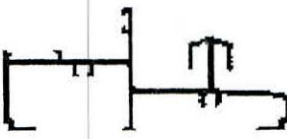
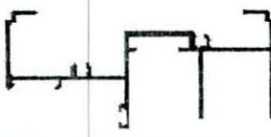
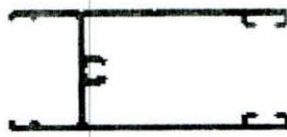
**Phụ lục 6-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	HA01	TO-6S551		6063-T5
2	HA02	TO-6S552		6063-T5
3	HA03	TO-6S553		6063-T5
4	HA04	TO-6S554		6063-T5
5	HA05	TO-6S555		6063-T5
6	HA06	TO-6S556		6063-T5
7	CHM01	TO-6X602A		6063-T5
8	CHM02	TO-6X603		6063-T5
9	CHM03	TO-6X604		6063-T5
10	CHM04	TO-6X605		6063-T5

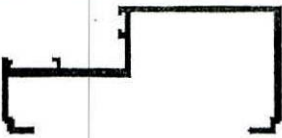
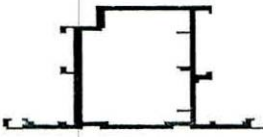
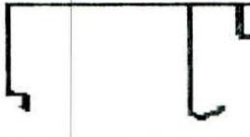
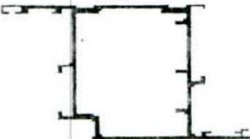
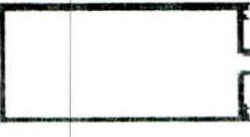
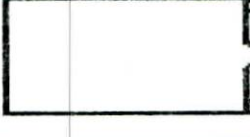
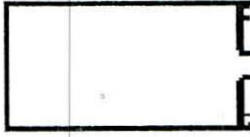
**Phụ lục 6-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
11	CHM05	TO-6X606		6063-T5
12	CA-D1567	TO-6Y113		6063-T5
13	CA-D1557	TO-6Y114		6063-T5
14	CA-D1957	TO-6Y115		6063-T5
15	CA-D5062	TO-6Y116		6063-T5
16	CA-D5061	TO-6Y117		6063-T5
17	CA-D5070	TO-6Y118		6063-T5
18	CA-D1554	TO-6Y119		6063-T5
19	CA-D1565	TO-6Y120		6063-T5
20	CA-D5060	TO-6Y121		6063-T5

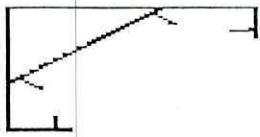
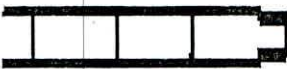
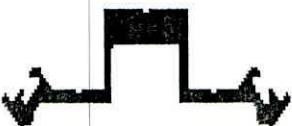
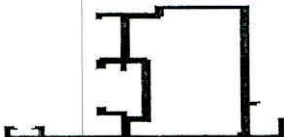
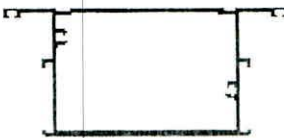
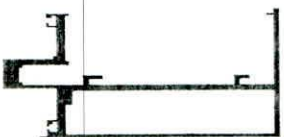
**Phụ lục 6-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
21	CA-D5059	TO-6Y111		6063-T5
22	CA-D5059A	TO-6Y112		6063-T5
23	CA-C3328	TO-6Y122		6063-T5
24	CA-C3303	TO-6Y123		6063-T5
25	CA-C3329	TO-6Y126		6063-T5
26	CA-C3295	TO-6Y127		6063-T5
27	CA-C3332	TO-6Y128		6063-T5
28	CA-GK551	TO-6Y129		6063-T5
29	CA-GK521	TO-6Y130		6063-T5
30	CA-GK491	TO-6Y131		6063-T5

**Phụ lục 6-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
31	CA-GK806	TO-6Y142		6063-T5
32	CA-GK1495	TO-6Y143		6063-T5
33	CA-F167	TO-6Y145		6063-T5
34	CA-GK470	TO-6Y144		6063-T5
35	CA-C3323	TO-6Y124		6063-T5
36	CA-C3304	TO-6Y125		6063-T5
37	CA-GK1003	TO-6Y132		6063-T5
38	CA-GK1073	TO-6Y133A		6063-T5
39	CA-GK015	TO-6Y134		6063-T5
40	CA-GK066	TO-6Y135		6063-T5

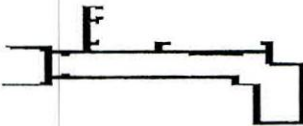
**Phụ lục 6-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL.01-2020), ngày 17/12/2020)

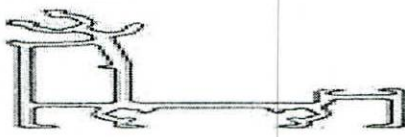
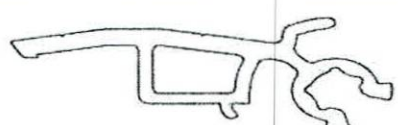
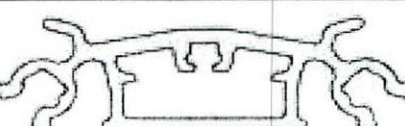
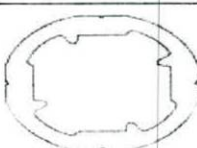
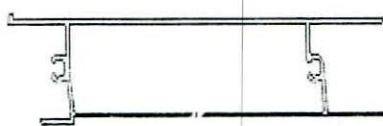
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
41	CA-I751	TO-6Y136		6063-T5

Phụ lục 7 Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)



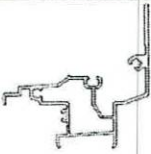
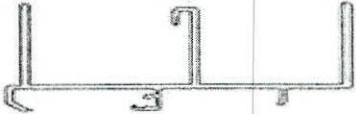
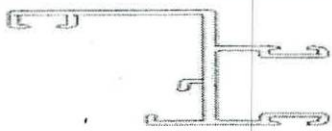
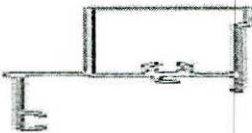
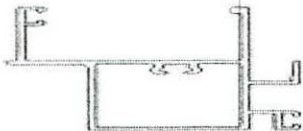
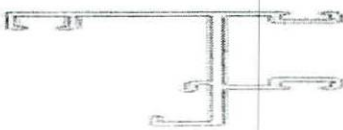
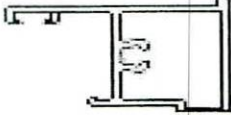
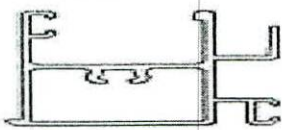
STT	Mã sản phẩm	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	CTV0244	TO-6Z065		6063-T5

Phụ lục 8 - Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	TO-381		6063-T5
2	TO-387A		6063-T5
3	TO- 3205		6063-T5
4	TO- 3206		6063-T5
5	TO- 3207		6063-T5
6	TO- 3208		6063-T5
7	TO- 4200		6063-T5
8	TO-1A604		6063-T5
9	TO-1B741		6063-T5
10	TO-1B742		6063-T5
11	TO-1B744		6063-T5

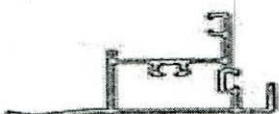
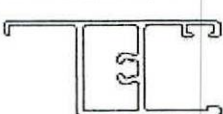
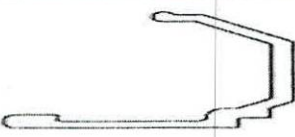
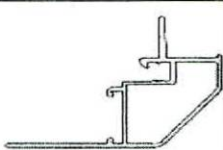
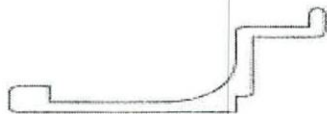
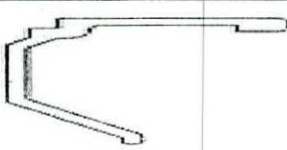
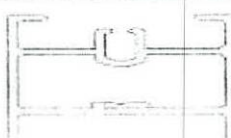
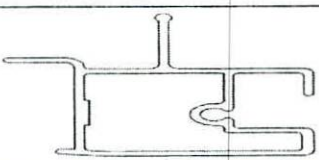
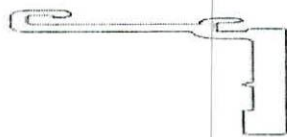
**Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
12	TO-1B745		6063-T5
13	TO-1B746		6063-T5
14	TO-1B747		6063-T5
15	TO-1B748		6063-T5
16	TO-1B749		6063-T5
17	TO-1B750		6063-T5
18	TO-1B751		6063-T5
19	TO-1B753		6063-T5
20	TO-1B754		6063-T5
21	TO-1B755		6063-T5
22	TO-1B756		6063-T5

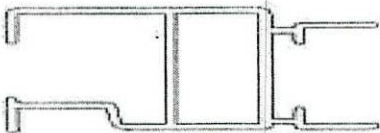
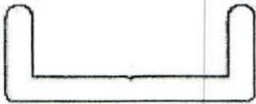
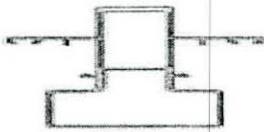
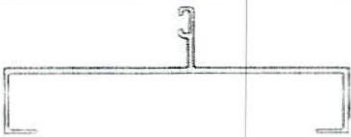
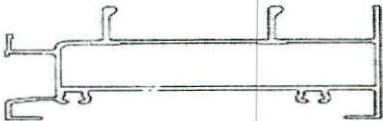
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
23	TO-1B757		6063-T5
24	TO-1B758		6063-T5
25	TO-1B759A		6063-T5
26	TO-1B760		6063-T5
27	TO-1B766		6063-T5
28	TO-1B771		6063-T5
29	TO-1W580		6063-T5
30	TO-1W859		6063-T5
31	TO-1X008		6063-T5
32	TO-1X009		6063-T5
33	TO-1Y758		6063-T5

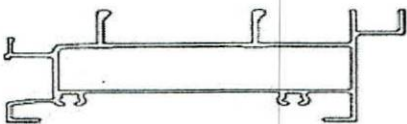
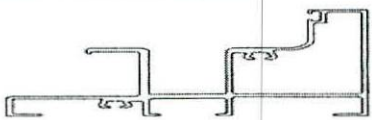
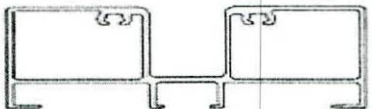
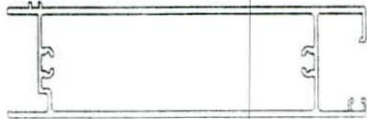
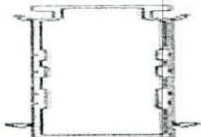
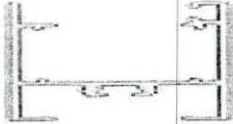
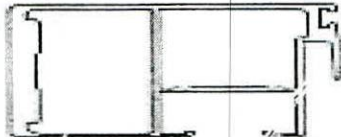
**Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

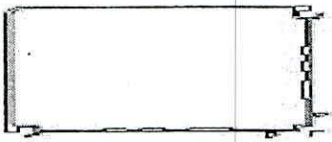
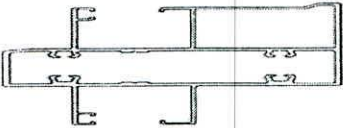
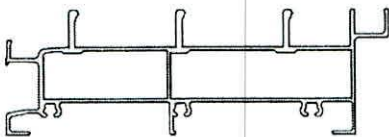
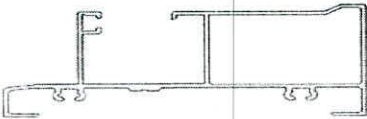
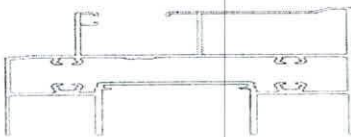
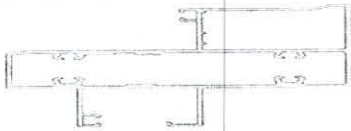
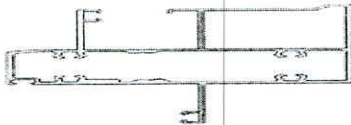
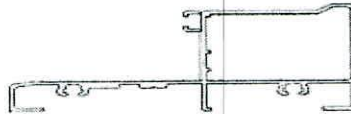
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
34	TO-26049		6063-T5
35	TO-28721B		6063-T5
36	TO-2C572		6063-T5
37	TO-2J004		6063-T5
38	TO-2J917		6063-T5
39	TO-2J919		6063-T5
40	TO-2K425		6063-T5
41	TO-2K768		6063-T5
42	TO-2L456		6063-T5
43	TO-2L458		6063-T5
44	TO-2L460		6063-T5

**Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
45	TO-2L461		6063-T5
46	TO-2L462		6063-T5
47	TO-2L463		6063-T5
48	TO-2M684		6063-T5
49	TO-2M685		6063-T5
50	TO-2M787		6063-T5
51	TO-2M826		6063-T5
52	TO-2M827		6063-T5
53	TO-2M958		6063-T5
54	TO-2N423		6063-T5
55	TO-2N424		6063-T5

**Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)**

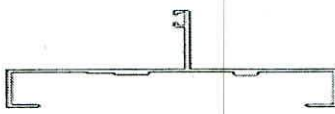
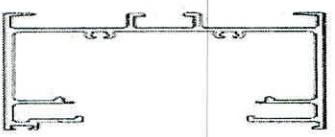
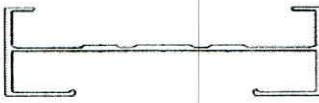
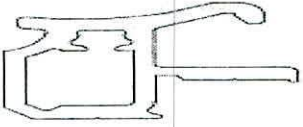
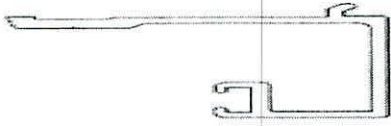
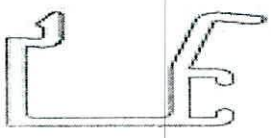
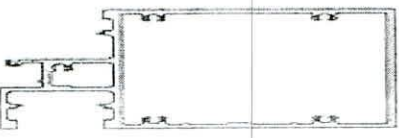
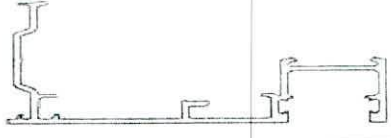
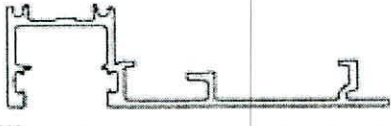
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
56	TO-2N705		6063-T5
57	TO-2N931		6063-T5
58	TO-2P288		6063-T5
59	TO-2P303		6063-T5
60	TO-2S265		6063-T5
61	TO-2S604		6063-T5
62	TO-2S605		6063-T5
63	TO-2S608		6063-T5
64	TO-2S609		6063-T5
65	TO-2S610A		6063-T5
66	TO-2S612A		6063-T5



15/02/2021

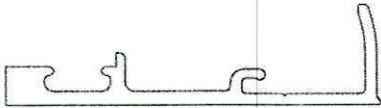
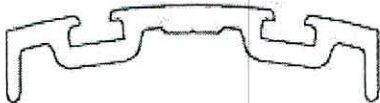
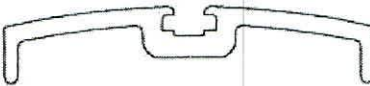
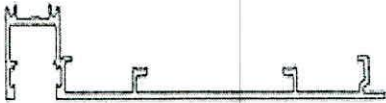
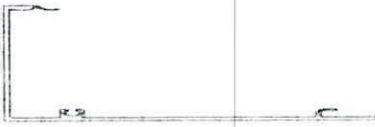
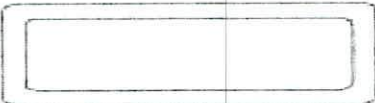
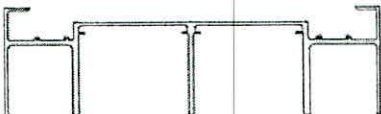
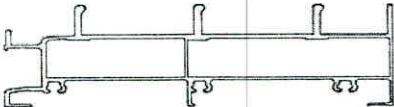
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
67	TO-2S613		6063-T5
68	TO-2S760		6063-T5
69	TO-2S762		6063-T5
70	TO-2S763		6063-T5
71	TO-2S764		6063-T5
72	TO-2S766		6063-T5
73	TO-2W038		6063-T5
74	TO-2W039		6063-T5
75	TO-2W040		6063-T5
76	TO-2W041		6063-T5
77	TO-2W042		6063-T5

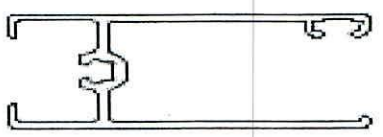
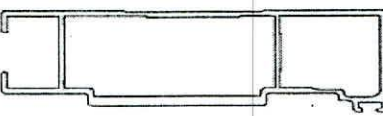
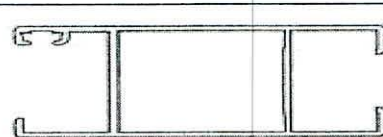
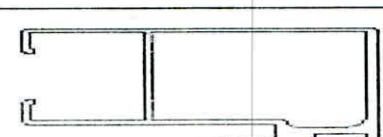
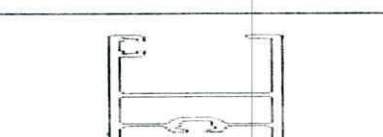
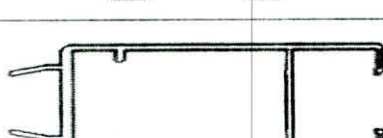
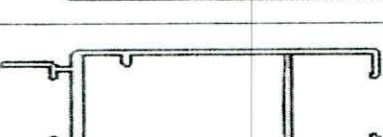
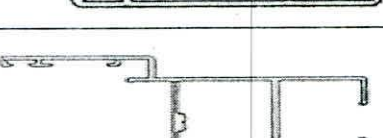
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
78	TO-2W044		6063-T5
79	TO-2W045		6063-T5
80	TO-2W046		6063-T5
81	TO-2W047		6063-T5
82	TO-2W050		6063-T5
83	TO-2W051		6063-T5
84	TO-2W052		6063-T5
85	TO-3B087		6063-T5
86	TO-46985		6063-T5
87	TO-4S715		6063-T5
88	TO-4S716		6063-T5

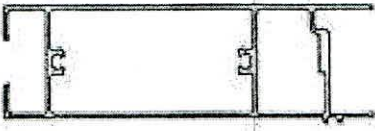
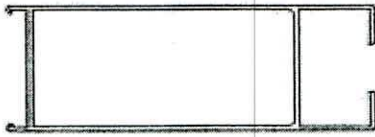
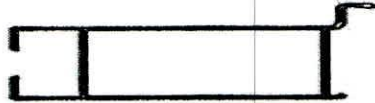
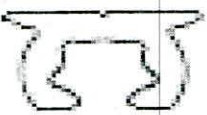
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
89	TO-4S721		6063-T5
90	TO-4S725		6063-T5
91	TO-4S726		6063-T5
92	TO-4S728		6063-T5
93	TO-4S729		6063-T5
94	TO-4S731		6063-T5
95	TO-4S733		6063-T5
96	TO-4S735		6063-T5
97	TO-4S736		6063-T5
98	TO-4S744A		6063-T5
99	TO-4S748		6063-T5

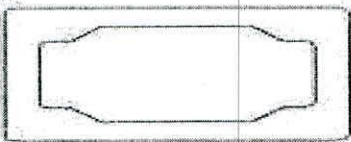
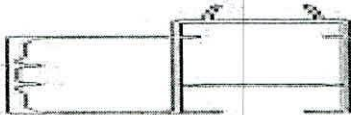
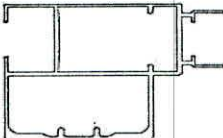
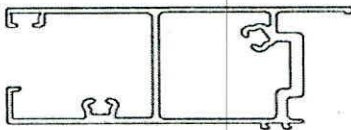
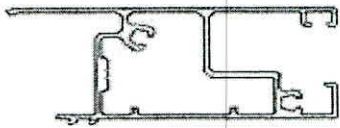
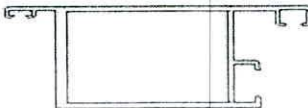
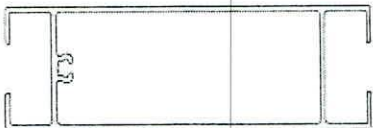
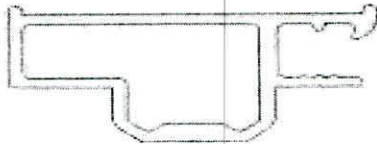
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
100	TO-4S749		6063-T5
101	TO-4S750		6063-T5
102	TO-4S751		6063-T5
103	TO-4S752		6063-T5
104	TO-4S756		6063-T5
105	TO-4S770		6063-T5
106	TO-4S775		6063-T5
107	TO-4S776		6063-T5
108	TO-4S778		6063-T5
109	TO-4W011		6063-T5
110	TO-4W295		6063-T5

**Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
111	TO-4Y498		6063-T5
112	TO-4Z402		6063-T5
113	TO-4Z403		6063-T5
114	TO-5A146A		6063-T5
115	TO-5A147B		6063-T5
116	TO-5A148A		6063-T5
117	TO-5A422		6063-T5
118	TO-5B615		6063-T5
119	TO-5B616		6063-T5
120	TO-5C337		6063-T5
121	TO-5C338		6063-T5

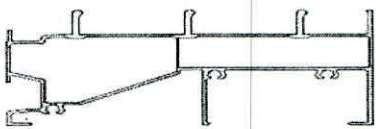
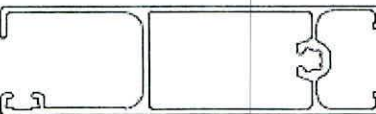
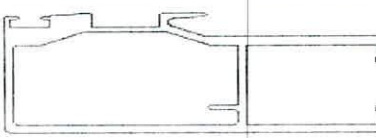
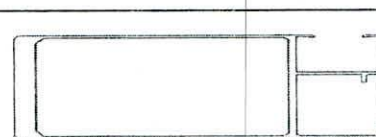
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

ĐỒNG TÙNG

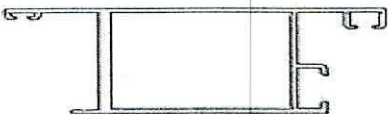
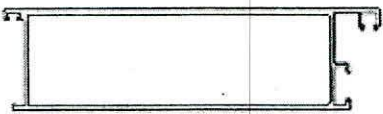
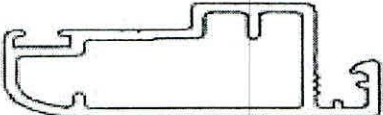
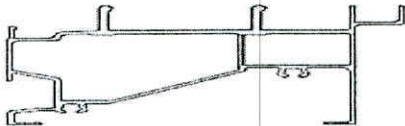
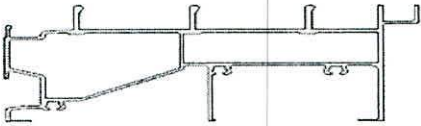
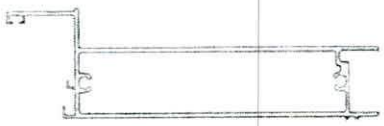
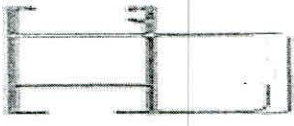
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
133	TO-5G184		6063-T5
134	TO-5G185		6063-T5
135	TO-5G186		6063-T5
136	TO-5G187		6063-T5
137	TO-5G188		6063-T5
138	TO-5G189		6063-T5
139	TO-5G190		6063-T5
140	TO-5G191		6063-T5
141	TO-5G192		6063-T5
142	TO-5G193		6063-T5
143	TO-5G194		6063-T5

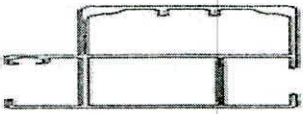
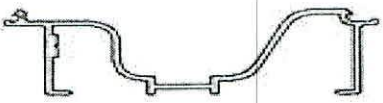
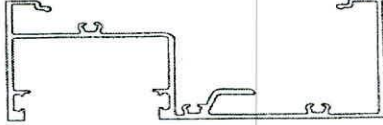
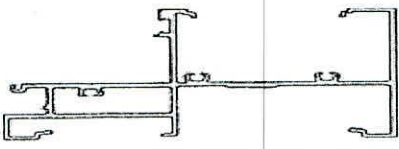
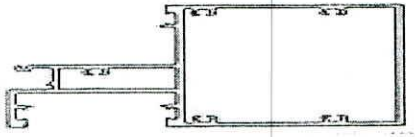
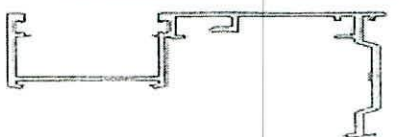
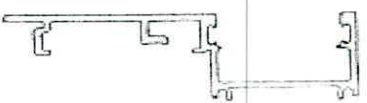
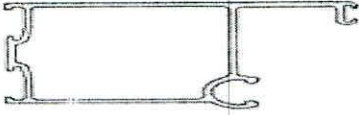
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
144	TO-5G199		6063-T5
145	TO-5G214		6063-T5
146	TO-5G325		6063-T5
147	TO-5G330		6063-T5
148	TO-5G331		6063-T5
149	TO-5G332		6063-T5
150	TO-5G538		6063-T5
151	TO-5G539		6063-T5
152	TO-5G541		6063-T5
153	TO-5J186		6063-T5
154	TO-5P106		6063-T5

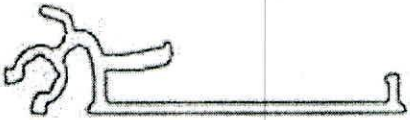
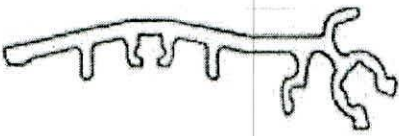
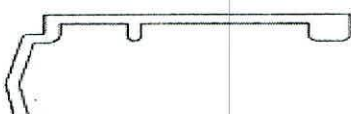
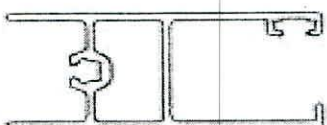
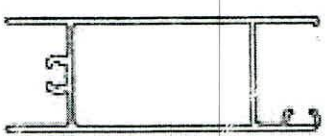
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
155	TO-5P107		6063-T5
156	TO-5S069		6063-T5
157	TO-5T615		6063-T5
158	TO-5T616		6063-T5
159	TO-5T617		6063-T5
160	TO-5T618		6063-T5
161	TO-5T619		6063-T5
162	TO-5T620		6063-T5
163	TO-5T621		6063-T5
164	TO-5T622		6063-T5
165	TO-5X767		6063-T5

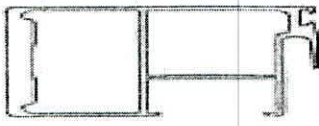
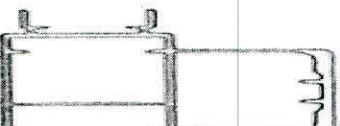
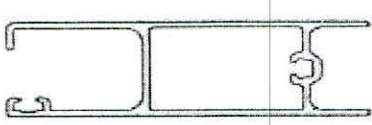
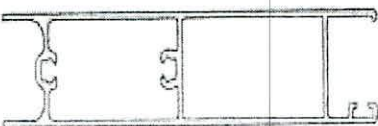
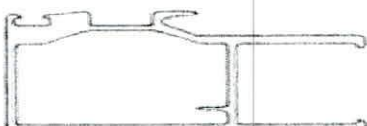
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
166	TO-5X768		6063-T5
167	TO-5X769		6063-T5
168	TO-5Z729		6063-T5
169	TO-5Z869		6063-T5
170	TO-5Z870		6063-T5
171	TO-5Z931		6063-T5
172	TO-6A399		6063-T5
173	TO-6B409		6063-T5
174	TO-6C488		6063-T5
175	TO-6D032		6063-T5
176	TO-6D033		6063-T5

Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

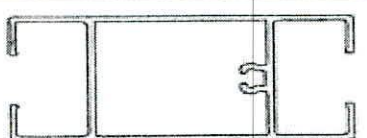
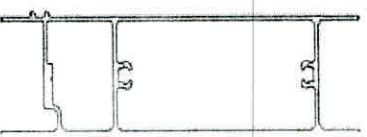
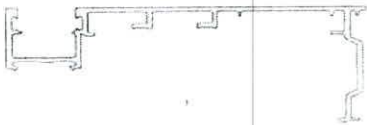
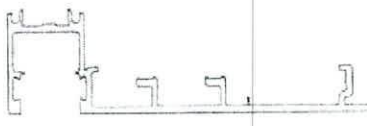
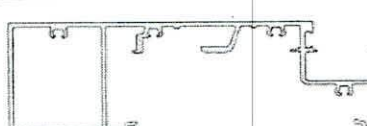
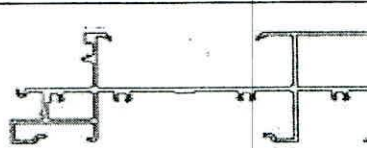
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
177	TO-6D034		6063-T5
178	TO-6D035		6063-T5
179	TO-6D037		6063-T5
180	TO-6D038		6063-T5
181	TO-6D039		6063-T5
182	TO-6D040		6063-T5
183	TO-6D041		6063-T5
184	TO-6D042		6063-T5
185	TO-6D043		6063-T5
186	TO-6D044		6063-T5
187	TO-6D045		6063-T5



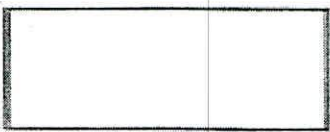
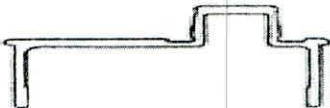
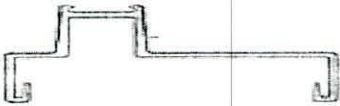
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
188	TO-6E078		6063-T5
189	TO-6E079		6063-T5
190	TO-6E080		6063-T5
191	TO-6E081		6063-T5
192	TO-6E082		6063-T5
193	TO-6E083		6063-T5
194	TO-6E624		6063-T5
195	TO-6E625		6063-T5
196	TO-6E626		6063-T5
197	TO-6E627		6063-T5
198	TO-6E628		6063-T5

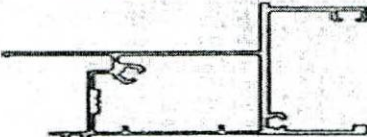
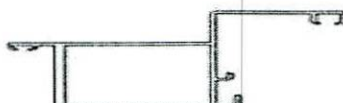
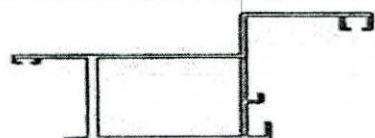
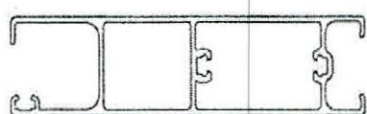
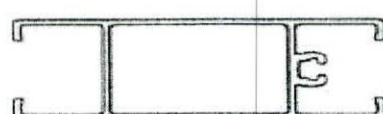
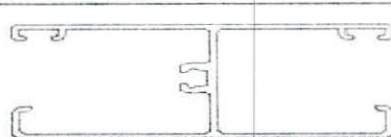
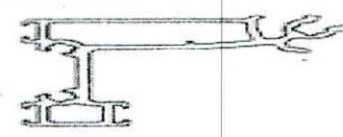
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
199	TO-6F417		6063-T5
200	TO-6F425		6063-T5
201	TO-6F426		6063-T5
202	TO-6F499		6063-T5
203	TO-6F500		6063-T5
204	TO-6F902		6063-T5
205	TO-6F903		6063-T5
206	TO-6F906		6063-T5
207	TO-6F907		6063-T5
208	TO-6F908		6063-T5
209	TO-6F909		6063-T5

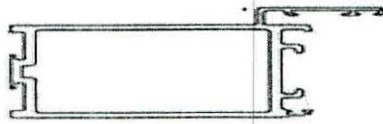
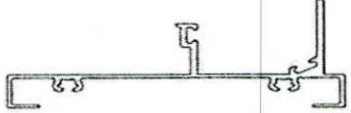
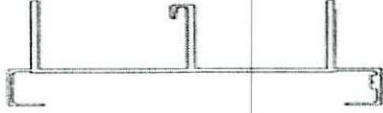
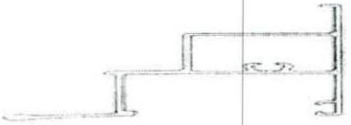
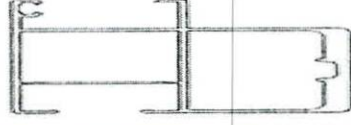
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
210	TO-6F913		6063-T5
211	TO-6F914		6063-T5
212	TO-6F915		6063-T5
213	TO-6G134		6063-T5
214	TO-6G640		6063-T5
215	TO-6G789		6063-T5
216	TO-6J814		6063-T5
217	TO-6J881		6063-T5
218	TO-6J938		6063-T5
219	TO-6K073		6063-T5
220	TO-6K572		6063-T5

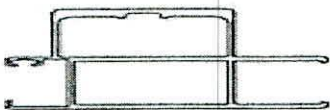
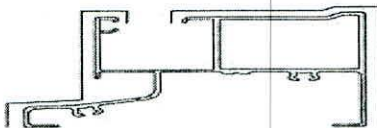
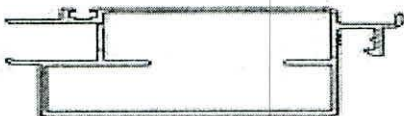
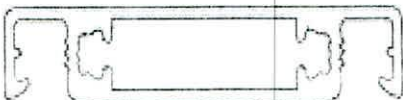
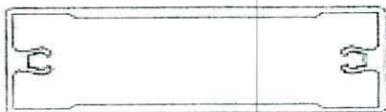
Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
221	TO-6K573		6063-T5
222	TO-6K574		6063-T5
223	TO-6K576		6063-T5
224	TO-6K819		6063-T5
225	TO-6K820		6063-T5
226	TO-6K821		6063-T5
227	TO-6K822		6063-T5
228	TO-6L070		6063-T5
229	TO-6L123		6063-T5
230	TO-6L320		6063-T5
231	TO-6L366		6063-T5

Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

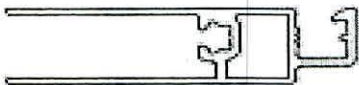
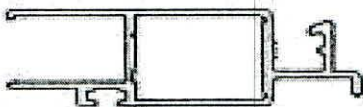
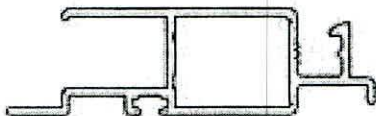
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
232	TO-6L489		6063-T5
233	TO-6L490		6063-T5
234	TO-6L994		6063-T5
235	TO-6L995A		6063-T5
236	TO-6L997		6063-T5
237	TO-6L998		6063-T5
238	TO-6L999		6063-T5
239	TO-6M409		6063-T5
240	TO-6M410		6063-T5
241	TO-6M905		6063-T5
242	TO-6R597		6063-T5

TRUNG
Y THUẬT
ĐO L
CHẤT
TIÊU CHU

Phụ lục 8-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

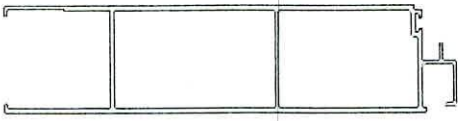
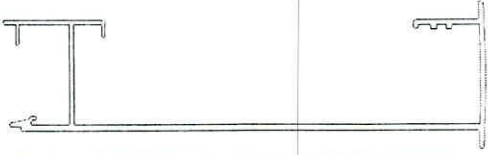
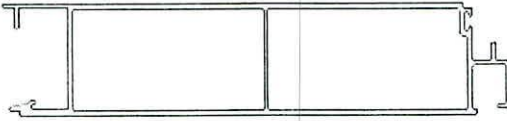
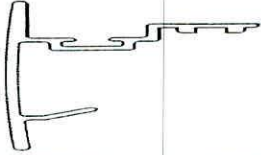
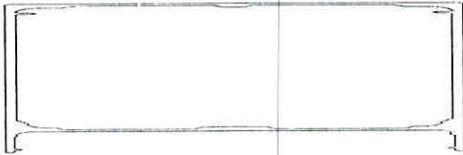
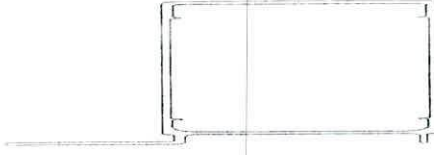
STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
243	TO-90721		6063-T5
244	TO-90722		6063-T5
245	TO-90723		6063-T5
246	TO-90779		6063-T5

C.T.A
ÔNG
HỮNG
ANH TÚ
H.T.Đ

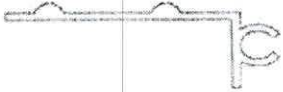


Phụ lục 9-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm được cấp
chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim - quá trình tôi và ram
1	TO-5Y358		6063-T5
2	TO-5Y359		6063-T5
3	TO-5Y360		6063-T5
4	TO-5X755		6063-T5
5	TO-5Y350		6005C-T5
6	TO-5T755		6005C-T5
7	TO-5T757		6005C-T5
8	TO-5T762		6063-T5
9	TO-5Z871		6063-T5

Phụ lục 10-Danh mục sản phẩm Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
 được cấp chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN-16:2019/BXD
 (Bảng kèm theo Giấy chứng nhận số 44-16 (LIXIL01-2020), ngày 17/12/2020)

STT	Mã bản vẽ	Mặt cắt sản phẩm	Hợp kim-quá trình tôi và ram
1	TO-6J506		6063-T6
2	TO-5X555		6063-T6
3	TO-7A068		6063-T6
4	TO-7A069		6063-T6
5	TO-7A070		6063-T6